

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Các em sinh năm 2017: - Diện thường trú: Phường 4; Phường 5: các Khu phố 4, 8; Phường 7: các khu phố: 2, 4, 5, 6, 7 thuộc quận Gò Vấp. - Có hộ khẩu thường trú và tạm trú thuộc quận Gò Vấp.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	- Thực hiện theo Quyết định 16/2006-QĐ BGD-ĐT, ngày 05/05/2006 về chương trình GDPT bậc Tiểu học; Công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 01/09/2011 về hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học GDPT. - Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 đối với học sinh lớp 1, lớp 2, 3 và lớp 4. - Có tổ chức loại hình lớp học 2 buổi/ngày (có bán trú), lớp Tiếng Anh Tăng cường.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Cha mẹ học sinh nhắc nhở, tạo điều kiện cho con em tự học, tự rèn luyện ở nhà. Tham gia đầy đủ các buổi họp CMHS định kỳ 3 lần/ năm. - Giáo dục con em có ý thức tự giác, tích cực. Thực hiện tốt Điều lệ trường Tiểu học và nội quy của nhà trường.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	- Tổ chức sinh hoạt ngoại khoá với nhiều chủ đề khác nhau. - Tổ chức học tập ngoại khóa 1-2 lần/năm theo từng chủ đề của từng khối lớp.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Kết quả năng lực; phẩm chất: đạt 100%. - Kết quả về học tập: hoàn thành chương trình lớp học đạt tỷ lệ 99.5%; hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỷ lệ 100% - 100% học sinh xếp loại sức khỏe loại 1 đến loại 3.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh có khả năng tiếp thu đúng chuẩn năng lực chung và năng lực đặc thù, tham gia tốt các hoạt động.				

Gò Vấp, ngày 30 tháng 06 năm 2023

Thư trưởng đơn vị



Lê Thị Minh Hòa

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TH HẠNH THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1687	306	354	359	301	367
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1626	306	354	359	273	334
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1687	306	354	359	301	367
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1687	306	354	359	301	367
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1687	306	354	359	301	367
1	Hoàn thành XS (tỷ lệ so với tổng số)	490 (29)	102 (33.3)	125 (35.3)	90 (25.1)	67 (22.3)	106 (28.9)
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	456 (26)	/	/	/	234 (77.7)	247 (67.3)
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	698 (41.4)	193 (63.1)	224 (63.3)	267 (74.4)	0 (0)	14 (3.8)
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0.7)	10 (3.3)	1 (0.3)	0 (0)	0 (0)	0 (0)
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1687	306	354	359	301	367
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	1676 (99.3)	296 (96.7)	353 (99.7)	359 (100)	301 (100)	367 (100)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	388 (23)	102 (33.3)	125 (35.3)	90 (25.1)	67 (22.3)	106 (28.9)
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	93 (5.5)	11 (3.6)	21 (5.9)	15 (4.2)	19 (6.3)	27 (7.4)
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0.7)	10 (3.3)	1 (0.3)	0 (0)	0 (0)	0 (0)

Gò Vấp, ngày 30 tháng 06 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HẠNH THÔNG
Lê Thị Minh Hòa

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TH HẠNH THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	38/38	Số 1m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	38	1 m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường lẻ	01	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	3621	2.05
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	700	
VI	Tổng diện tích các phòng		/
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1.06
2	Diện tích thư viện (m ²)	48	/
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	/	/
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	/
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	/	/
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	/
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	/
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	/
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24	/
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	50	50/39lớp
1.1	Khối lớp 1	10	8/10
1.2	Khối lớp 2	10	7/10
1.3	Khối lớp 3	10	9/10

1.4	Khối lớp 4	10	8/10
1.5	Khối lớp 5	10	7/10
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	/
2.1	Khối lớp 1	/	/
2.2	Khối lớp 2	/	/
2.3	Khối lớp 3	/	/
2.4	Khối lớp 4	/	/
2.5	Khối lớp 5	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	73	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	43	1/1
2	Cát xét	3	1/12
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	/
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	15	15/39
5	Thiết bị khác...	/	/
6		/	/

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	105 m ²
XI	Nhà ăn	Ăn tại sảnh, các hàng lang lớp, trong lớp

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	✓		✓		✓
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TH HẠNH THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, Năm học: 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	90	/	3	55	3	3	26	8	16	36	12	48	/	/
I	Giáo viên	57	/	/	55	2	/	/	8	16	33	12	45	/	/
	Trong đó số giáo viên nhiều môn	/	/	/	40	1	/	/	4	11	26	/	/	/	/
1	Tiếng dân tộc	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
2	Ngoại ngữ	9	/	/	8	1	/	/	4	2	3	/	/	/	/
3	Tin học	2	/	/	2	/	/	/	/	1	1	/	/	/	/
4	Âm nhạc	/	/	/	1	/	/	/	/	/	1	/	/	/	/
5	Mỹ thuật	/	/	/	1	/	/	/	/	1	/	/	/	/	/
6	Thể dục	/	/	/	2	/	/	/	/	1	1	/	/	/	/
7	Kỹ thuật-Công nghệ	/	/	/	1	/	/	/	/	/	1	/	/	/	/
II	Cán bộ quản lý	3	/	3	/	/	/	/	/	/	3	/	3	/	/
1	Hiệu trưởng	1	/	1	/	/	/	/	/	/	1	/	1	/	/
2	Phó hiệu trưởng	2	/	2	/	/	/	/	/	/	2	/	2	/	/
III	Nhân viên	30	/	/	/	1	3	26	/	/	/	/	/	/	/
1	Nhân viên văn thư	1	/	/	/	/	1	/	/	/	/	/	/	/	/
2	Nhân viên kế toán	1	/	/	/	1	/	/	/	/	/	/	/	/	/
3	Nhân viên Thủ quỹ	1	/	/	/	/	1	/	/	/	/	/	/	/	/

4	Nhân viên y tế	1	/	/	/	/	1	/	/	/	/	/	/	/	/
5	Nhân viên Thư viện (Kiêm nhiệm)	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
7	Nhân viên CNTT	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/

Gò Vấp, 30 tháng 6 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Minh Hòa